

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HỌC TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NGỮ THÔNG QUA VIỆC HỌC NHÓM

PHẠM THỊ CHINH - ThS. LÊ THỊ THANH TÂM\*

**Abstract:** In the methods of language learning, group learning in class is one of the effective ways to enhance learning and encourage students to maximize the ability to improve the English skills of their use. Articles made of histological methods to improve efficiency group learning for language students' amateur Hong Duc University.

**Keywords:** learning methods, school groups...

H iện nay, tiếng Anh là ngôn ngữ khá thông dụng ở Việt Nam. Trong quá trình hội nhập với thế giới, số lượng người học, sử dụng tiếng Anh ở Việt Nam không ngừng tăng. Có thể nói, việc học tiếng Anh là một nhu cầu thiết yếu đối với thế hệ trẻ trong thời đại mới. Tuy nhiên, học tiếng Anh như thế nào cho hiệu quả vẫn còn là một thách thức đối với tất cả mọi người, trong đó có sinh viên (SV) không chuyên ngữ Trường Đại học Hồng Đức.

Trong các phương pháp học ngoại ngữ, học nhóm (HN) trên lớp là một trong những cách học hữu hiệu nhằm tăng cường, khuyến khích SV phát huy tối đa khả năng nâng cao các kĩ năng sử dụng tiếng Anh của mình. Từ lâu, xu hướng sợ sai là cản trở lớn trong quá trình giao tiếp của SV. Với cách học này, SV có thể giúp đỡ nhau trong quá trình học tập, SV yếu không bị áp lực khi tham gia các buổi thảo luận nhóm, còn giảng viên (GV) có thể bao quát khả năng học tập của từng SV, hiểu các trở ngại của SV từ đó giúp các em tháo gỡ khó khăn trong quá trình giao tiếp. Mặc dù tính chính xác về ngôn ngữ trong quá trình thảo luận nhóm không cao, bù lại SV có đủ tự tin để diễn đạt những ý kiến của mình hơn, tạo cơ hội cho SV sử dụng tiếng Anh để nói chuyện, giao tiếp trong cuộc sống.

## 1. Các giai đoạn của quá trình HN

Thông thường, quá trình HN trên lớp được chia thành 3 giai đoạn:

### 1.1. Khởi động

GV hướng dẫn, cung cấp cho SV những tài liệu có liên quan đến kiến thức bài học. Tài liệu đó có thể là những đoạn văn ngắn, những mẫu câu, hay những hình ảnh... được chọn ra từ truyện, sách giáo khoa hay sách tham khảo. Ở giai đoạn này, SV tự thảo

luận, diễn đạt ý kiến đồng ý, không đồng ý, tranh luận, so sánh hoặc hỏi ý kiến các SV khác trong nhóm.

### 1.2. Tìm hiểu

Mục tiêu của giai đoạn này là giúp SV hiểu rõ về chủ đề đã lựa chọn. GV yêu cầu SV trong nhóm thảo luận và tìm hiểu. Nhóm trưởng hướng dẫn SV nhóm thảo luận và ghi lại các ý kiến của thành viên trong nhóm.

### 1.3. So sánh và tổng hợp

Đây là một bước quan trọng để đánh giá kết quả thảo luận của SV trong quá trình làm việc theo nhóm. GV đặt ra các câu hỏi yêu cầu các nhóm trả lời.

Ví dụ: Trong việc kiểm tra từ vựng của SV, GV đưa ra yêu cầu: "Work in groups of 4 or 5 to find out the words relating to the word **Environment**". Sau vài phút suy nghĩ, có nhóm chỉ đưa ra được 2 từ, 3 từ, có nhóm 4 từ... Cuối cùng, GV đưa ra nhận xét và kết luận.

### 2. Phương pháp thành lập nhóm

Để nâng cao hiệu quả HN, vấn đề đầu tiên cần quan tâm đó là phương pháp nhóm. GV có thể lựa chọn một trong những phương pháp sau:

**2.1. Ngẫu nhiên.** Là cách tạo nhóm bằng sự chỉ định ngẫu nhiên. Đó là nhóm tổng hợp gồm cả SV nam, nữ ở nhiều lứa tuổi, trình độ, tính cách khác nhau, có SV hay nói và có SV ít nói, có SV tự ti và có SV tự tin...

Ưu điểm: GV có thể sử dụng những SV giỏi trợ giúp SV yếu, vì vậy, SV yếu có được sự trợ giúp từ cả phía GV và SV giỏi trong nhóm.

Hạn chế: Làm hạn chế khả năng giao tiếp của những SV giỏi, khó có cơ hội đào tạo SV mũi nhọn.

Ví dụ: Sau khi cho lớp đọc bài đọc về *Các phương tiện giao tiếp*, GV yêu cầu thành lập nhóm bằng cách

\* Trường Đại học Hồng Đức

cho SV đếm lần lượt từ 1 đến 4. Những người cùng số thì về cùng một nhóm. GV đưa ra yêu cầu: Discuss the advantages and disadvantages of each means of communication. Then report to the class.

**2.2. Tự chọn.** Là cách tạo nhóm bằng cách để cho SV tự lựa chọn xem họ thích học với ai. Hình thức tạo nhóm này có thể giúp SV làm việc tốt hơn ở một số nhóm nhưng cũng có thể làm giảm hiệu quả làm việc nhóm trong toàn lớp học. Thường thì các SV có khả năng ngoại ngữ tốt hơn thích kết hợp với nhau nhiều hơn, kết quả là những SV yếu, dè dặt, thiếu tự tin phải cùng làm việc với nhau và các em gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình HN.

Ưu điểm: Phát huy tốt khả năng làm việc của SV khá, giỏi.

Hạn chế: SV yếu, kém ít có cơ hội để vươn lên.

Ví dụ: Sau khi học về *Communication strategies*, GV hướng dẫn SV làm việc theo cặp tự chọn. GV đưa ra yêu cầu: Work in pair to make a telephone conversation use the prompts given. Như vậy, mỗi cặp SV sẽ có các cách phát triển cuộc hội thoại theo các hướng khác nhau.

**2.3. Chỉ định.** Là cách tạo nhóm hoạt động có hiệu quả nhất. Căn cứ vào khả năng ngoại ngữ, sở thích, năng lực học tập nhóm, giới tính của SV, GV có thể phân loại và chỉ định nhóm. Sự lựa chọn tùy thuộc vào sự đánh giá của GV qua quá trình giảng dạy hoặc phỏng vấn trước khóa học.

Ưu điểm: Với phương pháp này, GV có thể tập trung đào tạo mũi nhọn cho những SV giỏi, khá và bồi dưỡng cho những SV yếu.

Hạn chế: Với mỗi đối tượng SV, GV cần đưa ra mục tiêu và yêu cầu khác nhau, đòi hỏi GV phải có sự chuẩn bị kỹ hơn, đầu tư cho bài giảng nhiều hơn.

Ví dụ: Sau một thời gian giảng dạy, nhìn chung GV đó nắm được trình độ của SV, GV có thể căn cứ vào đó để chia nhóm để SV làm các bài tập lớn.

Qua quá trình giảng dạy tại Trường Đại Học Hồng Đức, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp làm việc theo nhóm được nêu ở trên, kết quả cho thấy: Phương pháp **chỉ định** là hiệu quả và khắc phục được nhiều hạn chế nhất. Vì vậy, GV phải căn cứ vào số lượng SV của lớp học để có thể quy định số lượng nhóm và số lượng thành viên trong nhóm cho phù hợp để SV làm việc có hiệu quả. Số lượng SV trong một nhóm phụ thuộc vào khả năng của SV và thời gian hoạt động nhóm. SV có khả năng ngoại ngữ thấp cần ít số lượng thành viên trong nhóm hơn. Thời gian hoạt động nhóm ngắn hơn thì tổ chức những nhóm ít SV hơn. Thông thường, một nhóm gồm 4-5 thành viên hoạt động có

hiệu quả nhất. Những nhóm có số lượng SV lớn hơn 6 sẽ làm giảm trách nhiệm của các thành viên trong nhóm, nhiều SV sẽ mất tính chủ động trong hoạt động nhóm, khó có cơ hội cho mọi SV đều tham gia đóng góp ý kiến, giao tiếp.

HN có thể theo từng bài, từng giai đoạn hoặc trong cả quá trình học. Cách học này chỉ áp dụng với một số bài hoặc từng phần trong khóa học. SV được chia về những nhóm khác nhau theo nội dung bài học khác nhau. Trong khi học, SV giao tiếp với nhau nên sẽ phải có một người làm trưởng nhóm. Người này phải có khả năng hòa giải xung đột, có khái niệm rõ ràng và khả năng thảo luận, có khả năng tháo gỡ những phức tạp trong quan hệ giữa mọi người.

### **3. Các phương pháp tổ chức quá trình HN của SV**

Căn cứ vào nội dung của giáo trình, chủ đề cần thảo luận và đối tượng SV, GV quyết định lựa chọn phương pháp HN phù hợp nhất.

#### **3.1. Hướng dẫn cho SV những kĩ năng cần thiết để HN thành công**

Nhiều SV chưa từng HN bao giờ, các em cần được thực hành và cần được hướng dẫn những kĩ năng HN cụ thể như chủ động lắng nghe, giúp đỡ người khác, đưa ra và nhận các lời bình, tranh luận, tháo gỡ các bất đồng... Thảo luận những kĩ năng này cùng với SV trước khi HN giúp SV tránh được những bỡ ngỡ, hạn chế nhược điểm và nâng cao hiệu quả của HN.

#### **3.2. Quy định thời gian**

Đưa ra thời gian cụ thể cho mỗi hoạt động nhóm giúp SV chủ động và làm việc tích cực.

#### **3.3. Duy trì hoạt động nhóm thường xuyên**

Khi một nhóm hoạt động không tốt, tránh chuyển đổi hoặc phá vỡ nhóm ngay cả khi nhóm đó yêu cầu. Điều đó gây xáo trộn về tâm lí, lúng túng trong cả quá trình hoạt động nhóm. Tìm các biện pháp giúp đỡ SV tháo gỡ khó khăn, khuyến khích động viên những SV thiếu hợp tác. Chuyển đổi nhóm là phương sách cuối cùng.

Sau mỗi bài học hoặc giữa khóa học, SV cần được thảo luận, tự đánh giá xem có SV nào trong nhóm chưa hợp tác hoặc né tránh công việc của nhóm để kiểm điểm, tuy nhiên, cũng nên tạo điều kiện cho các em có cơ hội cải tiến trong những giai đoạn tiếp theo.

#### **3.4. Hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau trong học tập**

HN rất cần có sự tương tác giữa các thành viên trong nhóm. SV trong nhóm phải nhận thức rõ ràng mỗi thành viên đều có trách nhiệm, phụ thuộc vào các thành viên khác trong nhóm và một cá nhân không thể thành công được trừ khi cả nhóm cùng

thành công. Đảm bảo rằng tất cả thành viên trong nhóm đều làm việc trong quá trình thảo luận hoặc làm việc theo nhóm. GV và các nhóm biết những SV nào cần sự trợ giúp thêm để có thể nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh.

### **3.5. Giao bài tập phù hợp với khả năng của SV**

Đầu khóa học, GV giao cho SV những bài tập dễ. Khi SV có thêm nhiều kiến thức và kỹ năng HN, GV có thể tăng dần mức độ khó. HN có thể bắt đầu với những dạng bài tập dễ như dựa vào bài đọc để phát hiện một hiện tượng ngữ pháp, hay cùng học từ vựng,... đến các dạng bài khó hơn cần sự suy luận như so sánh, chứng minh hoặc báo cáo...

Cố gắng xây dựng những dạng bài tập mà mỗi SV trong nhóm đều có thể đóng góp xây dựng bài.

### **3.6. Tạo tính cạnh tranh trong HN**

Việc tạo tính cạnh tranh trong HN là rất cần thiết. Sự cạnh tranh có thể giữa các thành viên trong nhóm hoặc giữa các nhóm. Phần thưởng có thể là đội có tính sáng tạo nhất, đội hoàn thành nghiên cứu sớm nhất...

### **3.7. Đánh giá, cho điểm**

Việc đánh giá kết quả hoạt động nhóm giúp SV hiểu được mình đã thu được kết quả của hoạt động như thế nào, ở mức độ nào để cố gắng trong các hoạt động khác. Sự đánh giá cho điểm dựa vào kết quả của từng SV đóng góp cho nhóm và kết quả cả nhóm đạt được sau quá trình hoạt động nhóm. Cần khuyến khích cho điểm cao những SV có nhiều đóng góp hoặc làm việc tập thể nhiều hơn những SV làm việc độc lập, điều đó giúp SV thích hoạt động nhóm nhiều hơn và tích cực hơn.

Một vài GV cho điểm của tất cả các thành viên trong nhóm như nhau. Tuy nhiên, cách này làm cho SV thiếu tính cạnh tranh và thiếu sự công bằng với những SV tích cực hơn. Cho điểm từng SV chắc chắn sẽ tạo nên sự tranh đua trong học tập giữa các SV và khuyến khích SV tích cực hơn.

## **4. Những ưu điểm và hạn chế trong việc HN**

### **4.1. Những ưu điểm**

4.1.1. *Nâng cao khả năng giao tiếp và tự tin hơn cho SV.* Thông qua HN, SV sẽ dần dần luyện cho mình sự chủ động, tự tin trong giao tiếp. Khi HN, SV sẽ học được cách thuyết phục, trình bày ý tưởng của mình, đó là những kỹ năng cực kỳ cần thiết trong cuộc sống hiện đại. SV thường hay ngại ngùng, sợ sệt khi phải nói trước đám đông nên hãy bắt đầu rèn luyện sự tự tin bằng việc nói lên ý kiến, quan điểm của mình trước nhóm.

4.1.2. *SV dễ dàng giúp nhau giải đáp thắc mắc, hỗ trợ nhau trong học tập.* Ngạn ngữ có câu: "Học thầy không tày học bạn", có những điều SV cảm thấy

khó khăn khi hỏi thầy cô, thì hỏi bạn bè lại thoải mái hơn nhiều. HN thúc đẩy ý thức tranh luận và giải quyết vấn đề trong họ, hơn nữa, nếu bị kẹt ở đâu đó, thì nhiều cái đầu sẽ tốt hơn một cái đầu.

4.1.3. *SV biết cách nhìn nhận vấn đề dưới nhiều khía cạnh.* Khi một vấn đề được đưa ra thảo luận, chắc chắn sẽ có nhiều luồng ý kiến khác nhau. Việc mọi người cùng nhau xem xét, tranh cãi, trình bày ý kiến của cá nhân cũng giúp những người khác có thể nhận thấy sự việc ở nhiều khía cạnh, phương diện. Trong cuộc sống, nếu SV tập cho mình thói quen này sẽ làm chủ cuộc sống một cách dễ dàng hơn.

4.1.4. *Mở rộng mối quan hệ.* Việc thành lập một nhóm học không chỉ giúp SV nâng cao về mặt kỹ năng, kiến thức mà còn tạo cho họ cơ hội làm quen với những bạn mới, tạo cho họ gần nhau hơn, thân thiết hơn, hiểu rõ hơn về nhau,...

4.1.5. *Tạo động lực học tập.* Đôi khi một chút đua tranh trong học tập sẽ giúp SV cố gắng, chăm chỉ để đạt được kết quả cao hơn. Một nhóm bạn có thể đưa ra những giải thưởng cho người có điểm số cao, đồng thời cũng có những hình phạt cho những kết quả kém. Hình thức này tạo ra động lực cho các thành viên làm việc tích cực hơn.

4.1.6. *Rèn luyện tinh thần trách nhiệm.* Nói đến HN là không thể quên tinh thần trách nhiệm. Khi tham gia vào một nhóm là SV đó đã đặt mình nằm trong một tập thể, hành động của họ dù nhỏ hay lớn cũng tác động đến hiệu quả của toàn nhóm. Suy nghĩ này giúp họ cố gắng kiểm soát bản thân, tránh những việc làm không tốt và phấn đấu để làm được những việc tốt đẹp hơn.

### **4.2. Những hạn chế**

HN có thể tạo điều kiện cho những SV lười, những thành viên không hoàn thành trách nhiệm mà vẫn được điểm do thành tích của cả nhóm. Để hạn chế tình trạng này, GV có thể cho áp dụng hình thức đánh giá theo nhóm để từng thành viên trong nhóm đánh giá, đóng góp lẫn nhau hoặc tổ chức một bài kiểm tra kèm theo. Vì vậy, sẽ tồn tại hai mức độ trách nhiệm đó là cá nhân và nhóm.

\*\*\*

Để HN có hiệu quả, GV phải đảm bảo rằng trong nhóm có sự "phụ thuộc tích cực lẫn nhau", trao đổi trực tiếp, thảo luận trong nhóm và trách nhiệm của cá nhân cũng như của cả nhóm. "Phụ thuộc tích cực" nhấn mạnh tầm quan trọng và tính độc đáo, sự đóng góp của mỗi thành viên trong nhóm khi thực hiện các hoạt động nhận thức và giao lưu giữa các cá nhân. Quá trình học như vậy sẽ nâng cao hiệu quả học tập,

(Xem tiếp trang 114)

kim điện kế để đưa ra dự đoán về chiều dòng điện cảm ứng.



Hình 10. Video TN kiểm tra sự xuất hiện dòng điện Fu-cô  
**4.5. Học liệu phục vụ vận dụng kiến thức**

Các học liệu dưới đây giúp HS hiểu rõ cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số thiết bị:

*Giới thiệu:* Mô phỏng hoạt động của micro giúp HS tìm hiểu cấu tạo, giải thích nguyên lý làm việc của micro.



Hình 11. Mô phỏng hoạt động của micro

*Giới thiệu:* Video TN về tính chất hãm của dòng điện Fu-cô, giúp HS tìm hiểu nguyên lý hoạt động của phanh điện từ.



Hình 12. Video TN kiểm tra tính chất hãm của dòng điện Fu-cô

Nhằm đáp ứng các tiêu chí của MTM, các học liệu ở trên cần đảm bảo sự đa dạng, phong phú (có mô phỏng, video TN), phù hợp với dạy học giải quyết vấn đề khi dạy chuyên đề *Cảm ứng điện từ*; HS sẽ sử dụng học liệu ở mỗi hoạt động trong tiến trình giải quyết vấn đề. Chẳng hạn: học liệu ở hình 1, 2 hỗ trợ HS nảy sinh vấn đề mới; hình 8, 9 hỗ trợ HS giải quyết vấn đề (đề xuất phương án TN); hình 11, 12 hỗ trợ HS vận dụng kiến thức.

\*\*\*

Các học liệu trình bày ở trên là phù hợp và có tác dụng tích cực tới hoạt động học tập của HS trong tiến trình dạy học giải quyết vấn đề. Việc tổ chức cho HS tự nghiên cứu các học liệu sẽ phát huy được năng lực tự học, sáng tạo của các em. Đây là mục tiêu quan trọng trong giai đoạn hiện nay nhằm phát huy năng lực cho HS. Để đạt mục tiêu này, GV cần giúp HS tìm hiểu thông tin không chỉ giới hạn trong sách giáo khoa mà còn trên MTM. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2011). *Phương pháp và công nghệ thông tin trong môi trường sư phạm tương tác*. NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Thế Khôi - Nguyễn Phúc Thuận - Nguyễn Ngọc Hưng - Vũ Thanh Khiết - Phạm Xuân Quế - Phạm Đình Thiết - Nguyễn Trần Trác (2011). *Vật lý 11 nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Nguyễn Minh Tuấn (2010). *Định hướng xây dựng mô hình học liệu E-learning đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên cho giáo viên tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 242.
- [4] Juan Enrique Huerta-Wong - Richard Schoech (2010). *Experiential learning and learning environments: the case of active listening skills*. Journal of Social Work Education, Vol. 46, No.1.
- [5] Thomas Dietinger (2003). *Aspects of E-learning Environments*. Graz University of Technology, Austria.

## Nâng cao chất lượng học tiếng Anh...

(Tiếp theo trang 148)

người học có thể học được nhiều hơn những gì được GV giảng giải. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Kathleen M. Bailey (2005). *Practical English language teaching: Speaking*. New York.
- [2] Michael Maginn (2007). *Thúc đẩy nhóm làm việc hiệu quả*. NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [3] David Nunan (1991). *Language teaching methodology*. London: Prentice Hall International.
- [4] Vũ Hoàng Ngân - Trương Thị Nam Thắng (2009). *Xây dựng và phát triển nhóm làm việc*. NXB Phụ nữ.
- [5] Badke, W.B. (2004). *Research strategies: finding your way through the information fog*. New York, Lincoln, Shanghai: Universe Inc.